

Bản án số: **1097/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Ông Lê Giáo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 69/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 547/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 69/2016/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ K, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: phường AH, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hew Wui L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Quốc tịch: Malaysia.

Địa chỉ: Kuala Lumpur W. Persekutuan (KL) Malaysia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2016 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Mỹ K trình bày:

Bà và ông Hew Wui L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại IBU PEJABAT JPNM PUTRAJAYA, Malaysia vào ngày 28/4/2008 và được cơ quan hộ tịch Bang W.PERSEKUTUAN (PUTRAJAYA) cấp Giấy chứng nhận kết hôn

số Tidak Berkenaan, Giấy phép SEK.21(1)/BORANG 01C vào sổ bộ kết hôn số hiệu KC100089324, đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi kết hôn, bà K sống cùng gia đình chồng tại Malaysia. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng bà không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán, khác biệt về tính cách, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà K trở về Việt Nam sống từ tháng 5/2009. Trong thời gian đó ông Hew Wui L không quan tâm đến bà khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ tháng 01 năm 2010 đến nay, ông bà không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hew Wui L.

Về con chung: Bà K khai hai bên không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông Hew Wui L đang cư trú tại Malaysia.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Huỳnh Thị Mỹ K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ K, cho bà Huỳnh Thị Mỹ K được ly hôn với ông Hew Wui L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Mỹ K đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông Hew Wui L hiện đang sinh sống tại Malaysia. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Huỳnh Thị Mỹ K tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24/8/2017 nhưng bà Huỳnh Thị Mỹ K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông Hew Wui L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ 02 lần Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Hew Wui L tại địa chỉ:

Kuala Lumpur W. Persekutuan (KL) Malaysia. Tuy nhiên, ông Hew Wui L không đến tòa án cũng không có văn bản trả lời được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Malaysia xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số Tidak Berkenaam, Giấy phép SEK.21(1)/BORANG 01C vào sổ bộ kết hôn số hiệu KC100089324 của cơ quan hộ tịch Bang W.PERSEKUTUAN (PUTRAJAYA) Malaysia và Trích lục ghi chú kết hôn số 05/TLGCKH ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Mỹ K và ông Hew Wui L là hợp pháp.

Theo bà K trình bày, do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, khác biệt về tính cách, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có nên bà xin ly hôn. Về phía ông Hew Wui L, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông Hew Wui L hai lần theo đúng thủ tục luật định nhưng ông Hew Wui L không hồi báo. Điều này cũng chứng tỏ ông Hew Wui L không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó, việc bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Hew Wui L là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Bà K khai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Mỹ K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ K được ly hôn với ông Hew Wui L.

2. Về con chung: Bà K khai không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mỹ K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Mỹ K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AE/2011/02607 ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Mỹ K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ K được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Hew Wui L có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thành phố S,
tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan